

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

Số: 2728/TB-HĐTD

THÔNG BÁO

Triệu tập thí sinh đủ điều kiện tham dự kỳ tuyển dụng và một số nội dung liên quan kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
(Thông báo này thay thế Thông báo số 2704/TB-HĐTD ngày 09/12/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

Căn cứ Nghị định số 32/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1429/QĐ-KHXXH ngày 14/11/2025 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Hội đồng tuyển dụng viên chức Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam thông báo một số nội dung liên quan đến kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam như sau:

1. Triệu tập thí sinh theo Danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn (danh sách kèm theo).

2. Thời gian khai mạc: 8h30 phút ngày 12/12/2025 (Thứ Sáu).

Địa điểm: Hội trường Tầng 2, Nhà A, Trụ sở Viện Hàn lâm KHXXH Việt Nam, số 1, Liễu Giai, Ngọc Hà, Hà Nội.

3. Thời gian, địa điểm tổ chức thi tuyển, xét tuyển (*Chi tiết xem tại Phụ lục kèm theo*). Đối với hình thức tiếp nhận, Hội đồng tuyển dụng sẽ có thông báo sau.

4. Thu lệ phí thi tuyển, xét tuyển:

- Mức thu: 400.000đ/thí sinh.

- Thời gian thu: Bắt đầu từ 8h00 ngày 12/12/2025

5. Danh sách thí sinh theo số báo danh, phòng thi, nội quy, hình thức, thời gian tuyển dụng được niêm yết tại trụ sở Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, đồng thời thông báo trên Cổng thông tin điện tử Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Thí sinh dự tuyển có mặt đúng giờ tại địa điểm tổ chức, mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân khác hợp pháp có dán ảnh để kiểm tra trước khi vào phòng thi. Thí sinh không được phép mang điện thoại di động, các thiết bị điện tử và tài liệu vào phòng thi.

Thông báo này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Thí sinh kiểm tra thông tin tại danh sách (kèm theo); trường hợp có sai sót cần đính chính hoặc cần thêm thông tin vui lòng liên hệ: Ban Tổ chức – Cán bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam – Tầng 6, Nhà A, Số 1, Liễu Giai, Ngọc Hà, Hà Nội.

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam trân trọng thông báo để người dự tuyển và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan biết, thực hiện./.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch Viện HL (để b/c);
- Chủ tịch HĐTD (để b/c);
- Website Viện Hàn lâm;
- Trang thông tin điện tử của các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm;
- Hội đồng tuyển dụng;
- Ban Giám sát (để ph/h);
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện HL (để ph/h);
- Lưu: VT, HĐTD.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PHÓ CHỦ TỊCH VIỆN HÀN LÂM KHXH VIỆT NAM
Tạ Minh Tuấn**

THÔNG BÁO
Lịch tuyển dụng viên chức năm 2025
của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

1. Lễ khai mạc kỳ thi: tổ chức từ 8h30 - 9h30 ngày 12/12/2025 (Thứ sáu).
Tầng 2, Nhà A, Trụ sở Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, số 1 Liễu Giai, Ngọc Hà, Hà Nội.

2. Thời gian và địa điểm đối với các hình thức tuyển dụng:

STT	Hình thức tuyển dụng	Nội dung	Thời gian	Địa điểm
I	Xét tuyển	Ban kiểm tra sát hạch (kiểm tra bằng hình thức phỏng vấn, vấn đáp)	13h30 ngày 14/12/2025	Tầng 3, Nhà B, Trụ sở Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, số 1 Liễu Giai, Ngọc Hà, Hà Nội.
II	Thi tuyển			
1	Thi vòng 1 (thi trắc nghiệm)	Thi môn Kiến thức chung	8h00 ngày 17/12/2025	Trụ sở Học viện Khoa học xã hội, số 477 Nguyễn Trãi, Hà Nội.
		Thi Ngoại ngữ	13h30 ngày 17/12/2025	
2.	Thi vòng 2 (Thi viết)	Môn Nghiệp vụ chuyên ngành	13h00 ngày 23/12/2025	Trụ sở Học viện Khoa học xã hội, số 477 Nguyễn Trãi, Hà Nội.
III	Tiếp nhận vào làm viên chức	Hội đồng Kiểm tra sát hạch tiếp nhận vào làm viên chức Vòng 1: Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ	8h30 ngày 13/12/2025	Tầng 3, Nhà B, Trụ sở Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, số 1 Liễu Giai, Ngọc Hà, Hà Nội.
		Vòng 2: Sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ - Vấn đáp)	Hội đồng tuyển dụng sẽ có thông báo sau	

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRIỆU TẬP THÍ SINH THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025 CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
(HÌNH THỨC THI TUYỂN)
(Kèm theo Thông báo số 2728/KHXH-TCB ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Giới tính	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng 2	Điện ưu tiên	Đăng ký ngoại ngữ	
		Ngày	Tháng	Năm						Miễn thi	Ngoại ngữ đăng ký thi
1	Lê Toàn Thắng	14	9	2000	Nam	Chuyên viên tiếp công dân và giải quyết đơn thư	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
2	Trần Quang Tuyền	17	11	1997	Nam	Chuyên viên tổ chức bộ máy	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự (2016-2018); Dân tộc Tày	Không	Tiếng Anh
3	Lê Vương Trung	28	10	2002	Nam	Chuyên viên Quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
4	Nguyễn Văn Hoan	3	1	2000	Nam	Chuyên viên tổ chức bộ máy	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Miễn	không
5	Khuyết Phương Thảo	19	9	2003	Nữ	Chuyên viên tiếp công dân và giải quyết đơn thư	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Miễn	Không
6	Tạ Hữu Tuấn	19	9	1998	Nam	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
7	Đỗ Thái Hà	19	9	1997	Nam	Chuyên viên tổ chức bộ máy	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
8	Hồ Thị Ngọc	28	4	2003	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Miễn	không
9	Nông Thị Cơ	17	3	1993	Nữ	Chuyên viên tổ chức bộ máy.	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Giấy Khai sinh dân tộc thiểu số Nùng	Không	Tiếng Anh

10	Đoàn Phạm Phương Anh	23	12	2000	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Miễn	không
11	Phan Nhật Minh	9	1	1999	Nam	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	không	không	Tiếng Anh
12	Nguyễn Thị Thủy	28	6	1990	Nữ	Chuyên viên tiếp công dân và giải quyết đơn thư	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	không	không	Tiếng Anh
13	Đỗ Tuấn Anh	10	8	1996	Nam	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	không	không	Tiếng Anh
14	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	21	10	2002	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	Không	Miễn	không
15	Đào Thị Ngọc Anh	25	10	1990	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Miễn	không
16	Nguyễn Văn Dương	7	9	1985	Nam	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	Không	Không	Tiếng Anh
17	Đỗ Phương Thảo	6	12	2002	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	Không	Miễn	không
18	Nguyễn Quỳnh Anh	2	10	2003	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
19	Dương Văn Ngân	12	3	1986	Nam	Chuyên viên tiếp công dân và giải quyết đơn thư	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
20	Phan Thị Ngọc Trâm	7	10	1994	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
21	Trần Tuấn Hùng	20	4	2000	Nam	Chuyên viên tiếp công dân và giải quyết đơn thư	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	Không	không	Tiếng Anh
22	Nguyễn Thị Vân Anh	28	4	2001	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	không	không	Tiếng Trung
23	Trần Gia Hiếu	17	7	1999	Nam	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	Không	Không	Tiếng Anh
24	Trịnh Kế Phương	4	12	2000	Nam	Chuyên viên tổ chức bộ máy	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	Không	Không	Tiếng Anh
25	Nguyễn Thị Thanh Huyền	7	12	1994	Nữ	Chuyên viên tiếp công dân và giải quyết đơn thư	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	Không	Không	Tiếng Anh
26	Dương Anh Minh	30	4	1983	Nam	Chuyên viên kế hoạch và đầu tư	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Sĩ quan quân đội	Không	Tiếng Anh
27	Phạm Thanh Thủy	18	11	1978	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
28	Nguyễn Ngọc Trâm	6	4	1997	Nữ	Chuyên viên kế hoạch và đầu tư	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	không	Tiếng Anh
29	Trần Anh Tuấn	19	6	1998	Nam	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	không	Tiếng Anh
30	* Nguyễn Hoàng Hiệp	20	12	2000	Nam	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh

31	Nguyễn Đức Anh	23	1	1998	Nam	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Con thương binh 3/4	Không	Tiếng Anh
32	Lê Thị Minh Phương	26	11	2001	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý Khoa học	không	không	không	Tiếng Anh
33	Nguyễn Thị Mai	28	6	1985	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Con thương bệnh binh	Không	Tiếng Anh
34	Võ Thị Thu Trang	8	12	1999	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	Miễn	không
35	Lê Thảo Vy	19	5	1999	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
36	Bùi Thị Kim Giang	10	9	1997	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
37	Nguyễn Thanh Thảo	17	4	2001	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
38	Nguyễn Hoài Nam	28	7	1999	Nam	Chuyên viên kế hoạch và đầu tư	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	không	Tiếng Anh
39	Nguyễn Thị Thu Thủy	11	10	2000	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	không	Tiếng Anh
40	Nguyễn Thị Phương Thảo	20	1	1997	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	Miễn	Không
41	Hoàng Việt Dũng	10	9	1991	Nam	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	không	Tiếng Anh
42	Cao Nguyễn Ngọc Thúy	10	10	2003	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
43	Vũ Minh Khuê	21	8	2003	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	không	Tiếng Anh
44	Lê Đức Lâm	22	7	1999	Nam	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
45	Đào Lan Anh	10	6	1998	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
46	Nguyễn Thị Thủy Hiền	25	1	2001	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
47	Nguyễn Lê Vân	17	12	2003	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	Không	Tiếng Anh
48	Bùi Sỹ Huân	18	9	1996	Nam	Chuyên viên kế hoạch và đầu tư	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	Không	Tiếng Anh
49	Nguyễn Thị Tú Oanh	27	12	2000	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	Miễn	không

50	Phạm Trinh Ngọc Mai	13	12	2003	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	Miễn	không
51	Đào Hà Thu	24	3	1999	Nữ	Chuyên viên quản lý khoa học	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Viện Văn học	không	Không	Tiếng Anh
52	Nguyễn Thị Thủy Huyền	4	5	2002	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về người cao tuổi, trẻ em và phát triển xã hội	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	Không	Miễn	không
53	Đỗ Phương Anh	17	12	1997	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về hôn nhân và gia đình	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	Không	Tiếng Anh
54	Vũ Quang Hiền	25	12	2003	Nam	Nghiên cứu viên: nghiên cứu về phụ nữ, gia đình và giới	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	Miễn	không
55	Nguyễn Lê Tùng Lâm	12	10	2003	Nam	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về hôn nhân và gia đình	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	Không	Tiếng Anh
56	Trần Tùng Linh	14	3	1997	Nữ	Nghiên cứu viên: nghiên cứu về phụ nữ, gia đình và giới	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	Miễn	Không
57	Hà Tú Mỹ	21	8	2000	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về quyền con người và an ninh con người	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	không	Miễn	Không
58	Nguyễn Thành Trung	01	11	1988	Nam	Nghiên cứu viên: nghiên cứu về phụ nữ, gia đình và giới	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	Không	không	Tiếng Anh
59	Phạm Thanh Hoa	19	12	1999	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về người cao tuổi, trẻ em và phát triển xã hội	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	Không	không	Tiếng Anh
60	Vũ Hoàng	29	10	1987	Nam	Nghiên cứu viên về quyền con người, an ninh con người	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị	không	Tiếng Anh
61	Nguyễn Thị Thu Phương	15	5	2000	Nữ	Nghiên cứu viên về quyền con người và an ninh con người	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	không	không	Tiếng Anh
62	Nguyễn Lê Thanh Vân	24	10	1999	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về người người cao tuổi, trẻ em và phát triển xã hội	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	không	Tiếng Anh
63	Bùi Mai Anh	14	10	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: nghiên cứu về nguồn lực và phát triển con người	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	Miễn	Không
64	Nguyễn Thế Duy Long	1	9	2003	Nam	Nghiên cứu viên về quyền con người và an ninh con người	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	Không	Miễn	không
65	Lê Minh Nam	25	8	1987	Nam	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về quyền con người, an ninh và con người	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	Không	không	Tiếng Anh

66	Lê Khánh Hà	09	9	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về phụ nữ, Gia đình và Giới	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	không	Không	Tiếng Anh
67	Nguyễn Thùy Linh	12	7	2003	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về phụ nữ, Gia đình và Giới	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	không	Không	Tiếng Anh
68	Ngô Vũ Thùy Dương	23	8	2001	Nữ	Nghiên cứu viên: nghiên cứu về phụ nữ, gia đình và giới	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	Miễn	không
69	Lê Thị Phương Linh	13	2	1999	Nữ	Chuyên viên quản lý khoa học	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	Không	Tiếng Anh
70	Trần Thị Khánh Huyền	4	2	1997	Nữ	Chuyên viên quản lý phát hành	Viện Thông tin Khoa học xã hội	Không	Không	Không	Tiếng Anh
71	Đinh Thị Mỹ Oanh	6	2	2002	Nữ	NV1. Chuyên viên Hợp tác quốc tế NV2. Chuyên viên Hợp tác quốc tế: chuyên quản các đơn vị phụ trách đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Viện Thông tin Khoa học xã hội	Ban Hợp tác quốc tế	Dân tộc thiểu số (Mường)	Không	Tiếng Pháp
72	Phan Quang Tuấn	13	11	2000	Nam	NV1: Chuyên viên Hợp tác quốc tế NV2: Chuyên viên hợp tác quốc tế Chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Viện Thông tin Khoa học xã hội	Ban Hợp tác Quốc tế	Không	Miễn	không
73	Dương Thanh Nhân	18	2	2002	Nữ	NV1 Chuyên viên Hợp tác quốc tế NV2. Chuyên viên Hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Viện Thông tin Khoa học xã hội	Ban Hợp tác quốc tế	Không	Miễn	không
74	Hoàng Thị Na	30	9	2002	Nữ	Chuyên viên Hợp tác quốc tế	Viện Thông tin Khoa học xã hội	không	Dân tộc thiểu số Tây	Không	Tiếng Trung
75	Trần Anh Công	19	5	1986	Nam	Nghiên cứu viên về chính trị, quan hệ quốc tế của các thuộc Châu Âu	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không	Không	Miễn	Không
76	Bùi Tuấn Quang	22	12	2002	Nam	Nghiên cứu viên về chính trị, quan hệ quốc tế của các nước thuộc châu Âu	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
77	Phùng Đức Huy	31	7	2002	Nam	Nghiên cứu viên về chính trị, quan hệ quốc tế của các thuộc Châu Âu	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
78	Bùi Thị Thủy Nga	5	6	1993	Nữ	Nghiên cứu viên về chiến lược và an ninh quốc tế	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không	Không	Không	Tiếng Trung

79	Phạm Văn Bảo	3	8	2000	Nam	Nghiên cứu viên về chính trị, quan hệ quốc tế của các thuộc Châu Âu	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không	Không	Không	Tiếng Trung
80	Đỗ Nhật Minh	5	2	2003	Nam	Nghiên cứu viên về chiến lược và an ninh quốc tế của các nước thuộc Châu Âu và Châu Mỹ	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
81	Hoàng Văn Long	30	11	2003	Nam	Nghiên cứu viên về chiến lược và an ninh quốc tế của các nước thuộc Châu Âu và Châu Mỹ	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không	Không	Miễn	Không
82	Nguyễn Thu Trang	31	10	1998	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về Kinh tế tộc người	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
83	Nguyễn Hà Minh	2	7	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về tín ngưỡng và các tôn giáo nội sinh	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
84	Trịnh Thu Cẩm	28	06	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về văn hóa tộc người	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	không	không	Không	Tiếng Anh
85	Nguyễn Thanh Trung	26	12	2000	Nam	Nghiên cứu viên nghiên cứu về Chính trị và Xã hội tộc người	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	không	không	Không	Tiếng Anh
86	Lê Văn Hiếu	21	10	2000	Nam	Nghiên cứu về tín ngưỡng và tôn giáo nội sinh	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
87	Nguyễn Thùy Dung	1	12	1987	Nữ	Nghiên cứu viên về Phật giáo và lý luận tôn giáo	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
88	Lê Tuấn Dũng	7	1	1991	Nam	Nghiên cứu viên về Ki to giáo	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	Không	không	Không	Tiếng Anh
89	Kim Thanh Sắn	11	10	1998	Nam	Nghiên cứu viên về tín ngưỡng và các Tôn giáo nội sinh	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	không	không	không	Tiếng Anh
90	Nguyễn Minh Diệp	25	3	1998	Nữ	Nghiên cứu viên về Phật giáo và Lý luận Tôn giáo	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	Không	không	không	Tiếng Anh
91	Nguyễn Trọng Tuấn Anh	31	7	1994	Nam	Nghiên cứu viên về khu vực trung đông và Tây Á	Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	Không	Không	Miễn	Không
92	Đàm Quang Trung	14	2	1992	Nam	Nghiên cứu viên về khu vực trung đông và Tây Á	Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	Không	Không	Miễn	Không
93	Ngô Mai Linh	10	12	1997	Nữ	Chuyên viên quản lý khoa học	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	Không
94	Nguyễn Đắc Tùng	10	1	1989	Nam	Nghiên cứu về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực Asean và các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	không
95	Vũ Hoàng Anh	21	4	2000	Nữ	Nghiên cứu viên về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực Asean và các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	không	không	Miễn	không

96	Nguyễn Thành Chung	15	4	2001	Nam	Nghiên cứu viên về kinh tế biển, các ngành kinh tế biển ở biển đông; các khu kinh tế ven biển; kinh tế ven biển; kinh tế thương mại quốc tế trên biển	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	không	không	Không	Tiếng Anh
97	Đinh Phương Nam	15	8	2003	Nam	Nghiên cứu viên về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực ASEAN và các quốc gia Châu Á, TBD	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	không	không	Miễn	không
98	Phạm Thị Thu Hà	24	10	1994	Nữ	Nghiên cứu viên về kinh tế biển, các ngành kinh tế biển ở biển đông; các khu kinh tế ven biển; kinh tế ven biển; kinh tế thương mại quốc tế trên biển	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Dân tộc thiểu số (Mường)	Miễn	Không
99	Vũ Hải Hoàng	20	7	2003	Nam	Nghiên cứu viên về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực\Asean và các quốc gia Châu Á - Thái bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	không	Tiếng Anh
100	Trần Quang Việt	28	4	2003	Nam	Nghiên cứu về quan hệ quốc tế tại Biển đông; chiến lược; chính sách của các nước đối với Biển đông	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	không
101	Lục Thị Tầm	11	5	2000	Nữ	Nghiên cứu viên về Quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực ASEAN và các quốc gia Châu á TBD	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Giấy khai sinh Dân tộc thiểu số (Nùng)	Không	Trung Quốc
102	Nguyễn Thị Thu Cúc	2	8	2002	Nữ	Chuyên viên Quản lý khoa học	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Không	Tiếng Anh
103	Nguyễn Tuấn Quang	8	7	1995	Nam	Nghiên cứu viên về quan hệ quốc tế tại biển đông; Chiến lược; Chính sách của các nước đối với biển Đông	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Không	Tiếng Anh

104	Phạm Thị Ngọc Hương	19	11	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về Quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực ASEAN và các quốc gia Châu á TBD	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Không	Tiếng Anh
105	Nguyễn Trúc Mai	28	2	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về Quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực ASEAN và các quốc gia Châu á TBD	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	Không
106	Nguyễn Quang Minh	8	10	2003	Nam	Nghiên cứu viên về quan hệ quốc tế về Biển đông, chính sách của các nước đối với Biển Đông	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	Không
107	Nguyễn Thu Trà	29	6	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về Quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực Asean và các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	không	không	Miễn	Không
108	Nguyễn Thị Phương Anh	5	11	1992	Nữ	Chuyên viên quản lý Khoa học	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Con bệnh binh	Không	Tiếng Anh
109	Lê Thị Thùy Dương	13	1	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực Asean và các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	Không
110	Lê Thị Trang	10	7	2000	Nữ	Nghiên cứu viên về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực Asean và các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	Không
111	Nguyễn Mai Phương	31	10	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về quan hệ quốc tế tại Biển Đông; chiến lược; chính sách của các nước đối với Biển Đông	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Không	Tiếng Anh
112	Nguyễn Quang Sáng	22	10	2003	Nam	Nghiên cứu viên về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực Asean và các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	Không

113	Nguyễn Phan Thùy Dương	24	11	2002	Nữ	Nghiên cứu về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực Asean và các nước Châu Á Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	không	Miễn	không
114	Ngô Ngọc Hà	6	3	2000	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực Asean và các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	Không
115	Lương Tấn Phúc	4	8	2000	Nam	Nghiên cứu viên về Quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực ASEAN và các quốc gia Châu á TBD	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	không
116	Hoàng Thu Hà	2	11	1990	nữ	Chuyên viên quản lý khoa học	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	Không
117	Đinh Thị Phương Linh	30	12	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về kinh tế biển, các ngành kinh tế biển ở biển đông; các khu kinh tế ven biển; kinh tế ven biển; kinh tế thương mại quốc tế trên biển	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	Không
118	Đậu Thị Quỳnh Hoa	11	7	1990	Nữ	Nghiên cứu viên về Triết học, kinh tế và chính sách, văn hóa	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	không	không	Tiếng Anh
119	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	30	6	1988	Nữ	Nghiên cứu viên về Triết học, Kinh tế và chính sách, văn hóa	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	không	không	Không	Tiếng Anh
120	Trần Thị Nữ	02	12	1998	Nữ	Nghiên cứu viên về Triết học, Kinh tế và chính sách, văn hóa	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	không	không	Không	Tiếng Anh
121	Võ Thị Bích Trâm	28	10	1988	Nữ	Nghiên cứu viên về kinh tế, chính sách	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	không	không	Miễn	Không
122	Vũ Thị Thùy Trang	28	3	1999	Nữ	Nghiên cứu viên về Triết học, chính trị học	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Không	Tiếng Anh
123	Đặng Thị Thanh Hằng	15	8	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về kinh tế, chính sách	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Không	Tiếng Anh
124	Lê Minh Tân	23	3	1997	Nam	Nghiên cứu viên về văn hóa, lịch sử, khảo cổ	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Không	Tiếng Anh

125	Nguyễn Thị Thanh Thủy	14	10	1981	Nữ	Biên tập viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Con thương binh	Không	Không	Tiếng Anh
126	Lê Thị Thu Hiền	14	3	1983	Nữ	Thư viện viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Không	Tiếng Anh
127	Hồ Công Hợp	9	6	1998	Nam	Nghiên cứu viên về Triết học và chính trị học	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Miễn	Không
128	A Tuấn	14	3	1982	Nam	Nghiên cứu viên về văn hóa, lịch sử, khảo cổ	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Dân tộc Xơ đàng	Không	Tiếng Anh
129	Nguyễn Hoàng Hiệp	1	11	1997	Nam	Nghiên cứu viên về Triết học, chính trị học	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Con thương binh	Miễn	Không
130	Tô Thanh Lễ	15	11	2001	Nam	Nghiên cứu viên về Triết học, chính trị học	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Không	Tiếng Trung
131	Nguyễn Hà An	15	9	1998	Nữ	Nghiên cứu viên về văn hóa và lịch sử, khảo cổ	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	không	Miễn	không
132	Huỳnh Thị Kim Uyên	30	7	2000	Nữ	Biên tập viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Miễn	Không
133	Trần Thị Hồng Ngọc	2	9	1992	Nữ	Thư viện viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Không	Tiếng Anh
134	Bùi Lê Anh Thư	23	10	1998	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	Không
135	Lê Thị Hà Phương	21	10	1996	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	không	Tiếng Anh
136	Lê Thị Quyên	30	8	1994	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
137	Nguyễn Đoàn Tú Minh	28	3	2003	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	Không	Miễn	không
138	Nguyễn Thị Hồng Khánh	9	1	1983	Nữ	Chuyên viên văn thư lưu trữ, hành chính	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
139	Nguyễn Thế Long	13	11	1999	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	không
140	Lê Thanh Hải	3	7	1997	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Con thương binh	Miễn	Không
141	Nguyễn Thanh Mai	30	9	1997	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	Không
142	Nguyễn Ngọc Hà	20	4	1995	Nam	Chuyên viên kiểm tra, rà soát, tiếp nhận xử lý đơn thư	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	Không	Miễn	Không
143	Nguyễn Thị Thu Hòa	6	3	1996	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh

144	Nguyễn Xuân Công	30	4	1991	Nam	Chuyên viên công tác kỷ luật đảng, kê khai tài sản, phòng chống tham nhũng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	Không ghi	Miễn	không
145	Tân Tấn Dìn	10	11	2002	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Dân tộc thiểu số	Không	Tiếng Anh
146	Lại Thị Huệ	8	9	2002	Nữ	Chuyên viên kiểm tra, rà soát, tiếp nhận xử lý đơn thư	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	không	Miễn	Không
147	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	19	8	2000	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	không	Miễn	không
148	Trần Văn Hoàng	25	1	2002	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
149	Ngô Phương Thảo	10	2	1998	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
150	Nguyễn Tiến Hòa	7	8	1999	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	Không
151	Võ Thị Thanh Trúc	20	3	1996	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	Không
152	Vương Ngọc Phước	8	6	2000	Nam	Chuyên viên công tác kỷ luật đảng, kê khai tài sản, phòng chống tham nhũng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Trung
153	Lê Quang Huy	31	7	2000	Nam	Chuyên viên công tác kỷ luật đảng, kê khai tài sản, phòng chống tham nhũng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	không	Miễn	không
154	Lê Tiến Thịnh	10	11	1996	Nam	Chuyên viên công tác kỷ luật đảng, kê khai tài sản, phòng chống tham nhũng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	không	Miễn	không
155	Đỗ Thị Quỳnh Nga	23	12	2002	Nữ	Chuyên viên công tác kỷ luật đảng, kê khai tài sản, phòng chống tham nhũng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
156	Vũ Ngọc Anh	16	8	2001	Nữ	Chuyên viên công tác tổ chức, bộ máy, cán bộ	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	Không	Không	Tiếng Anh
157	Phạm Thị Vân Anh	5	1	2001	Nữ	Chuyên viên kiểm tra, rà soát, tiếp nhận xử lý đơn thư	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	Không
158	Ngô Thị Thu Thủy	28	9	2002	Nữ	Chuyên viên công tác kỷ luật đảng, kê khai tài sản, phòng chống tham nhũng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	Không
159	Đinh Việt Nhật	4	8	2000	Nam	Chuyên viên kiểm tra, rà soát, tiếp nhận xử lý đơn thư	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	Không	Miễn	không
160	Vũ Hoàng Dũng	14	10	1998	Nam	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	Không	Không	Miễn	Không

161	Nguyễn Bảo Huy	24	1	2003	Nam	Chuyên viên Ban Hợp tác quốc tế: Chuyên quản phụ trách các đơn vị, phụ trách các đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao.	Ban Hợp tác quốc tế	Không	Không	Miễn	Không
162	Phạm Nguyễn Như Hoàn	25	10	2003	Nữ	NV1: Chuyên viên Hợp tác quốc tế: Chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao. NV2: Chuyên viên HTQT: Chuyên viên quản lý mảng hội nghị, hội thảo quốc tế cấp Viện Hàn lâm từ nguồn ngân sách nhà nước	Ban Hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác quốc tế	Không	không	Tiếng Anh
163	Đào Phương Linh	5	10	1997	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác quốc tế	Không	Con Bệnh binh hạng 2/3	Không	Tiếng Anh
164	Lê Thị Tuệ Minh	27	7	2003	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	Không	Không	Không	Tiếng Pháp
165	Lê Thị Phương Hà	29	7	1999	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: Phụ trách công tác liên quan đến các nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế, báo cáo ngành, hoạt động tiếp nhận,...	Ban Hợp tác Quốc tế	không	Con Thương binh hạng 4/4	không	Tiếng Anh
166	Đông Thị Ngọc Hiền	28	02	2003	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế Quản lý mảng hội nghị, hội thảo quốc tế cấp Viện Hàn lâm từ nguồn ngân sách nhà nước	Ban Hợp tác Quốc tế	Không	Dân tộc Tày	Không	Tiếng Anh
167	Đỗ Thị Ngoan	7	4	1998	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	Không	Không	Miễn	Không
168	Trần Minh Ngọc	5	9	2000	Nữ	Chuyên viên quản lý mảng hội nghị, hội thảo quốc tế cấp Viện Hàn lâm từ nguồn NSNN	Ban Hợp tác quốc tế	Không	Không	Không	Tiếng Anh
169	Lò Hạ Vinh	28	7	2002	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác quốc tế	không	Người dân tộc thiểu số	Không	Tiếng Anh

170	Lê Mạnh Quốc	11	1	1999	Nam	NVI: Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	Không	không	Miễn	Không
171	Vũ Thùy Linh	1	11	2004	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	không	không	Không	Tiếng Anh
172	Trần Hà Trang	28	7	2000	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	không	không	Không	Tiếng Anh
173	Vũ Thị Mai Hương	28	8	2000	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác quốc tế	không	không	Miễn	không
174	Trần Mỹ Linh	26	5	2003	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	không	không	Miễn	Không
175	Lê Thanh Hồng	8	1	2000	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	Không	Dân tộc thiểu số (Dân tộc Tày)	Miễn	Không
176	Lê Phương Thảo	8	6	2000	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	Không	Không	Miễn	Không
177	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	31	12	1994	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	Không	Không	Miễn	Không
178	Tạ Khánh Huyền	18	10	2002	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	Không	Không	Miễn	Không
179	Khuất Thị Hà	31	12	1992	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	Không	Không	Không	Tiếng Anh
180	Nguyễn Thị Hanh	16	7	1991	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	Không	Không	Không	Tiếng Anh
181	Bùi Thị Xuân Hương	21	7	1983	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	Không	Không	Không	Tiếng Anh
182	Cần Thị Huyền	6	7	1997	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí Khoa học xã hội	Không	không	Miễn	không
183	Lê Hoàng Anh	26	6	1999	Nam	Biên tập viên	Viện Sử học	không	Không	Không	Tiếng Trung
184	Trần Thị Tiểu Yến	30	4	2003	Nữ	Biên tập viên	Viện Sử học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
185	Nguyễn Trần Kiều Trinh	22	10	2003	Nữ	Biên tập viên	Viện Sử học	Không	Không	Không	Tiếng Trung

186	Lâm Minh Thúy	5	7	1992	Nữ	Biên tập viên	Viện Sử học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
187	Vũ Thanh Bình	27	2	2001	Nữ	Biên tập viên	Viện Sử học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
188	Nguyễn Huy Diệp	22	9	1979	Nam	Biên tập viên	Viện Sử học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
189	Nguyễn Thị Huyền	13	3	1986	Nữ	Biên tập viên	Viện Sử học	không	Con bệnh binh	Không	Tiếng Anh
190	Hà Quang Dũng	10	7	2003	Nam	Biên tập viên	Viện Sử học	không	Không	Không	Tiếng Anh
191	Nguyễn Nhật Anh	1	10	1996	Nam	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Không	Tiếng Anh
192	Đoàn Thị Minh Ánh	11	3	2001	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về di sản văn hóa	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Không	Tiếng Anh
193	Trần Thị Hồng	11	08	2002	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	không	không	Không	Tiếng Anh
194	Phan Thị Kim Tâm	23	2	1997	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Không	Tiếng Anh
195	Cao Thảo Hương	6	12	1990	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về di sản văn hóa	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Không	Tiếng Anh
196	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	10	8	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Không	Tiếng Anh
197	Lữ Ngân Sơn	27	8	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về di sản văn hóa	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Không	Tiếng Anh
198	Đặng Viên Như	28	10	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	không	Không	Tiếng Anh
199	Nguyễn Thị Hương Giang	15	2	1999	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Dân tộc thiểu số người Tây	Miến	Không
200	Nguyễn Phương Anh	19	5	1995	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	không	không	Không	Tiếng Anh
201	Nguyễn Thị Hà Giang	1	5	1999	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Miến	Không
202	Chu Ngọc Mỹ Anh	27	10	2000	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Miến	Không
203	Ngô Hương Trang	23	6	1987	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về biên soạn Từ điển, Bách khoa thư Tổng hợp	Viện Ngôn ngữ học	không	không	Không	Tiếng Anh
204	An Quang Thắng	09	02	1983	Nam	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về biên soạn Từ điển, Bách khoa thư Tổng hợp	Viện Ngôn ngữ học	không	không	Không	Tiếng Anh

205	Lê Thanh Hà	14	10	1990	Nam	Nghiên cứu viên nghiên cứu về biên soạn Từ điển, Bách khoa thư địa phương	Viện Ngôn ngữ học	không	không	Không	Tiếng Trung
206	Trần Thị Phương	10	3	1990	Nữ	Chuyên viên hành chính - Văn phòng	Viện Ngôn ngữ học	Viện Văn học	Không	Không	Tiếng Anh
207	Lê Thị Thúy	7	3	1985	Nữ	Chuyên viên hành chính văn phòng	Viện Triết học	Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Tiếng Anh
208	Lê Đình Đài	22	11	2001	Nam	Nghiên cứu viên Triết học Mác-Lênin	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
209	Nguyễn Đình Hưng	12	8	1991	Nam	Nghiên cứu viên Lịch sử Triết học VN	Viện Triết học	không	không	Không	Tiếng Trung
210	Hàn Thị Nhung	02	10	2002	Nữ	Nghiên cứu viên Triết học - Mác Lê Nin	Viện Triết học	không	Không	Không	Tiếng Anh
211	Tô Thu Phương	20	10	2001	Nữ	Nghiên cứu viên Triết học Phương Đông	Viện Triết học	không	Không	Không	Tiếng Trung
212	Trần Tú Anh	16	2	2002	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về Triết học Mác - Lênin	Viện Triết học	không	không	Không	Tiếng Anh
213	Trần Anh Thu	24	4	2000	Nữ	Nghiên cứu viên Triết học Phương Đông	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
214	Trần Thị Hà My	13	2	1995	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về Triết học Phương Đông	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
215	Trần Ngọc Thúy	5	8	1998	Nữ	Nghiên cứu viên Triết học Mác- Lê nin	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
216	Nguyễn Minh Ngọc	27	6	2001	Nữ	Nghiên cứu viên Triết học Mác- Lê nin	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
217	Lê Quang Đức Anh	23	10	2003	Nam	Nghiên cứu viên về triết học mác - Lênin	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
218	Nguyễn Đức Hùng	6	8	2002	Nam	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về Triết học Mác - Lênin	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
219	Phan Quỳnh Mai	2	1	2000	Nữ	Nghiên cứu viên Triết học Phương Đông	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
220	Đặng Tuấn Dũng	22	9	2001	Nam	Nghiên cứu viên Triết học Mác Lê nin	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
221	Đinh Thị Linh Chi	27	11	2003	Nữ	Biên tập viên	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
222	Viên Hồng Ngọc	28	5	2001	Nữ	Biên tập viên	Viện Triết học	Không	Dân tộc Tày	Miền	không
223	* Nguyễn Đức Thắng	10	1	1997	Nam	Biên tập viên	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
224	Đỗ Thị Hòa	25	2	1997	Nữ	Biên tập viên	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
225	Tăng Thị Thùy Ngân	27	11	2003	Nữ	Biên tập viên	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Trung

226	Vũ Việt Hoàng	31	10	2002	Nam	Nghiên cứu viên về Triết học Mác - Lênin		Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
227	Phan Trường An	17	5	2000	Nam	Nghiên cứu viên nghiên cứu về Triết học Mác - Lênin		Viện Triết học	Không	Không	Miễn	Không
228	Nhữ Thành Trung	9	7	1997	Nam	Biên tập viên		Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
229	Nguyễn Thị Minh Hòa	23	3	1998	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về Triết học Mác - Lênin		Viện Triết học	Không	Không	Miễn	Không
230	Nguyễn Thị Như Quỳnh	2	11	1994	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về Triết học - Mác Lê nin		Viện Triết học	không	Dân tộc thiểu số (Thổ)	Miễn	không
231	Nguyễn Thị Thu Hương	6	10	1981	Nữ	Thư viện viên		Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
232	Nguyễn Thị Dậm	24	1	1994	Nữ	Nghiên cứu viên về triết học Phương Đông		Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
233	Nguyễn Anh Thư	21	12	2003	Nữ	Chuyên viên hành chính văn phòng		Viện Triết học	Viện Văn học	Không	Miễn	không
234	Lâm Kiên Lợi	16	5	1995	Nữ	Nghiên cứu viên về Khảo cổ học		Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ	không	Không	Không	Tiếng Anh
235	Đặng Thị Bé Châu	17	01	1997	Nữ	Nghiên cứu viên về Khảo cổ học		Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ	không	Không	Không	Tiếng Anh
236	Hoàng Anh Tâm	18	10	2002	Nam	Nghiên cứu viên về Khảo cổ học		Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
237	Đinh Ngọc Linh Chi	14	4	1999	Nữ	Chuyên viên quản lý khoa học và tư liệu thư viện		Viện Khảo cổ học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
238	Nguyễn Thu Hà	12	12	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về con người, môi trường cổ và thí nghiệm khảo cổ học		Viện Khảo cổ học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
239	Nguyễn Thị Huyền Trang	5	3	1992	Nữ	Chuyên viên quản lý khoa học và tư liệu thư viện		Viện Khảo cổ học	Không	không	không	Tiếng Anh
240	Tạ Minh Châu	10	8	2002	Nữ	Chuyên viên hành chính văn phòng		Viện Văn học	Không	Không	Miễn	Không
241	Lê Thị Thủy	7	12	1982	Nữ	Chuyên viên quản lý khoa học		Viện Văn học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
242	Nguyễn Hải Anh	12	01	1995	Nam	Nghiên cứu viên về văn học cổ trung đại và văn học dân gian		Viện Văn học	không	Không	Không	Tiếng Trung
243	Lê Minh Trang	9	10	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về văn học Cổ - Trung đại và dân gian;		Viện Văn học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
244	Nguyễn Chi Anh	7	5	1998	Nữ	Nghiên cứu viên về Văn học nước ngoài		Viện Văn học	Không	Không	Miễn	Không
245	Vũ Lê Tích Tiến	4	11	2000	Nữ	Nghiên cứu viên về Văn học nước ngoài		Viện Văn học	Không	Không	Không	Tiếng Anh

246	Trần Thị Hòa	28	2	1989	Nữ	Kế toán viên		Viện Văn học	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Tiếng Anh
247	Lê Thị Phương Thảo	9	7	1998	Nữ	Chuyên viên Hành chính - Văn phòng		Viện Văn học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
248	Phạm Linh Khôi	14	8	1987	Nữ	Chuyên viên Hành chính - Văn phòng		Viện Văn học	Viện Địa lý Nhân văn và Phát triển bền vững	Không	Miễn	Không
249	Trần Mạnh Cường	7	3	2002	Nam	Nghiên cứu viên nghiên cứu về lý luận văn học		Viện Văn học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
250	Nguyễn Thị Hoài Phương	10	6	1998	Nữ	Nghiên cứu viên về Văn học nước ngoài		Viện Văn học	không	không	không	Tiếng Anh
251	Trần Thanh Hải	10	12	1997	Nam	Chuyên viên hành chính văn phòng		Viện Văn học	không	không	không	Tiếng Anh
252	Phạm Thu Trang	12	11	1997	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về lý luận văn học		Viện Văn học	Không	Không	Miễn	Không
253	Nguyễn Ngô Thanh Tâm	16	4	1999	Nữ	Nghiên cứu viên hạng nghiên cứu về văn học nước ngoài		Viện Văn học	không	Không	Không	Tiếng Anh
254	Khúc Thị Kim Ngân	02	12	1999	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn học cổ - Trung đại và Văn học dân gian		Viện Văn học	không	không	không	Tiếng Anh
255	Nguyễn Thị Minh Thúy	20	1	1994	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về văn học nước ngoài		Viện Văn học	không	không	Không	Tiếng Trung
256	Trần Thùy Trang	9	1	2000	Nữ	Nghiên cứu viên về văn học Cổ - Trung đại và Văn học dân gian		Viện Văn học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
257	Trần Thị Thu Dung	3	10	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về văn học nước ngoài		Viện Văn học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
258	Lê Thị Hoa	19	8	1986	Nữ	Chuyên viên Hành chính - Văn phòng		Viện Văn học	Viện Ngôn ngữ học	Không	Không	Tiếng Anh
259	Vũ Hồng Mai Phương	30	9	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về văn học nước ngoài		Viện Văn học	không	không	không	Tiếng Anh
260	Trần Thị Việt Hà	17	8	1997	Nữ	NCV: Nghiên cứu về các vấn đề phát triển toàn cầu		Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Không	Tiếng Anh
261	Dương Thu Phương	5	9	2000	Nữ	Nghiên cứu về Kinh tế Vĩ mô và thể chế kinh tế		Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Miễn	Không

262	Nguyễn Thị Hoàng Hà	16	8	1991	Nữ	NCV: Nghiên cứu về các vấn đề phát triển toàn cầu	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Không	Tiếng Anh
263	Nguyễn Minh Tuấn	12	6	1997	Nam	NCV: Nghiên cứu về lý luận và lịch sử kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Không	Tiếng Anh
264	Nguyễn Hoàng Vũ	1	5	2002	Nam	NCV: Nghiên cứu viên về kinh tế vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Miễn	Không
265	Nguyễn Phương Thảo	01	02	1996	Nữ	NCV: Nghiên cứu về Kinh tế Vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	không	Không	Tiếng Anh
266	Vũ Trọng Phúc Hải	2	2	2003	Nữ	NCV: Nghiên cứu viên: nghiên cứu về kinh tế vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Miễn	Không
267	Lê Thị Ngân Hà	01	01	2003	Nữ	NCV: Nghiên cứu về chính sách chiến lược kinh tế địa phương và lãnh thổ	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	không	Không	Tiếng Anh
268	Nguyễn Đức Huy	5	12	2003	Nam	NCV: Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về kinh tế vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Không	Tiếng Anh
269	Vũ Minh Trang	28	12	2003	Nữ	NCV: Nghiên cứu viên về kinh tế vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Không	Tiếng Anh
270	Nguyễn Thu Thủy	11	9	1998	Nữ	NCV: Nghiên cứu về các vấn đề phát triển toàn cầu	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Miễn	Không
271	Thân Thị Hạnh Chi	10	12	2000	Nữ	NCV: Nghiên cứu về lý luận và lịch sử kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Không	Tiếng Anh
272	Nguyễn Thị Dương	21	10	2003	Nữ	NCV: Nghiên cứu về các vấn đề phát triển toàn cầu	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Không	Tiếng Anh
273	Âu Thanh Huyền	1	3	2003	Nữ	Nghiên cứu về kinh tế phát triển	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Dân tộc thiểu số	Không	Tiếng Anh
274	Nguyễn Trần Minh Trí	17	4	1992	Nam	NCV: Nghiên cứu về kinh tế quốc tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	không	không	Miễn	Không
275	Mai Đức Dương	7	12	2001	nam	NCV: Nghiên cứu về Kinh tế Vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	không	không	Tiếng Anh
276	Nguyễn Hương Chi	31	10	2002	Nữ	NCV: Nghiên cứu về Kinh tế Vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	không	không	Tiếng Anh
277	Trịnh Minh Đức	26	12	2001	Nam	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về Phân tích và Dự báo	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Miễn	Không
278	Vũ Mỹ Dung	6	3	1994	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về kinh tế vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	không	Con thương binh	không	Tiếng Anh
279	Chu Văn Đạt	2	6	2003	Nam	NCV: Nghiên cứu về lý luận và lịch sử kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	không	Miễn	Không
280	Trần Thị Thủy Oanh	15	11	2002	Nữ	NCV: Nghiên cứu viên về kinh tế vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	không	Không	Không	Tiếng Anh

281	Trần Văn Nam	12	8	2000	Nam	Chuyên viên quản trị công sở	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
282	Vũ Khánh Huyền	26	12	1999	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
283	Kiều Văn Hoàng	31	8	1996	Nam	Kỹ sư hạng III	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
284	Nguyễn Thị Phương Anh	24	9	1994	Nữ	Y Sĩ	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
285	Lê Ngọc Ánh	4	11	1999	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	Không	Không	Tiếng Anh
286	Nguyễn Thị Xuân	4	11	1985	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
287	Nguyễn Việt Hà	9	8	2002	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
288	Đoàn Thị Thảo	28	10	2002	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
289	Nguyễn Văn Châm	5	10	1982	Nam	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
290	Tống Như Tuấn	24	10	2003	Nam	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
291	Nguyễn Thị Hiền	21	6	1991	Nữ	Văn thư viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	Không	Không	Tiếng Anh
292	Nguyễn Thu Hương	15	6	1995	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
293	Khuyết Việt Hà	26	4	2003	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Miến	Không
294	Nguyễn Thị Minh Hằng	28	4	2001	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
295	Trần Trà My	25	3	2003	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành	Không	Không	Tiếng Trung
296	Đinh Cao Thạch Ngọc	7	10	2000	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
297	Nguyễn Hồng Phượng	3	2	1991	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
298	Đinh Thị Lan Anh	24	9	1992	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
299	Vũ Thị Thủy Tiên	31	1	1998	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
300	Nguyễn Thị Ngọc	20	6	1985	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Viện Văn học	Không	Không	Tiếng Anh
301	Bùi Ngô Huyền Anh	23	7	1996	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
302	Đinh Văn Đạt	2	6	1993	Nam	Kỹ sư	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
303	Nguyễn Hồng Lâm	28	11	1991	Nam	Y Sĩ	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Dân tộc Mường	Không	Tiếng Anh
304	Trương Thị Thủy Mai	29	3	2002	Nữ	Chuyên viên truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
305	Đỗ Tiến Thành	6	2	1996	Nam	Kỹ sư hạng III	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh

322	Đỗ Tiến Hiệp	18	4	1998	Nam	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
323	Ninh Văn Sơn	2	5	1995	Nam	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
324	Nguyễn Hùng Sơn	21	7	2002	Nam	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Miền	Không
325	Hoàng Tiến Thành	28	4	1979	Nam	Kỹ sư hạng III	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
326	Nguyễn Hoài Linh	18	8	2003	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
327	Hoàng Anh Tuấn	30	3	2001	Nam	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
328	Phạm Thị Thanh Hoa	29	12	1984	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Viện Văn học	Không	Miền	Không
329	Lưu Thị Diu	29	6	1997	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
330	Đặng Minh Anh	26	7	2003	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Miền	Không
331	Vũ Thủy Tiên	27	4	1998	Nữ	Chuyên viên truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
332	Nguyễn Bảo Linh	10	10	1996	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
333	Nguyễn Thị Thu Hà	11	12	1997	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Xác nhận người có công (bố đẻ là thương binh)	Không	Tiếng Anh
334	Nguyễn Quốc Đạt	9	3	1995	Nam	Công nghệ thông tin	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
335	Phạm Nhật Minh	23	12	2002	Nam	Chuyên viên quản trị công sở	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
336	Nguyễn Thị Thu Hương	23	8	1989	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
337	Trần Đình Duy	23	11	2001	Nam	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
338	Vũ Đăng Quang	11	5	2000	Nam	Công nghệ thông tin	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Miền	Không
339	Mai Đức Chiến	22	12	1988	Nam	Công nghệ thông tin	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
340	Phạm Thu Hà	15	4	2000	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
341	Phạm Thị Hồng	3	9	1993	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Dân tộc thiểu số (dân tộc Mường)	Không	Tiếng Anh
342	Ngô Lê Ngọc	19	11	1984	Nam	Công nghệ thông tin	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
343	Trần Thị Ngọc Kiên	23	12	1985	Nữ	Chuyên viên truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Miền	Không
344	Trần Thị Lý	10	7	1989	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Miền	Không
345	Nguyễn Thị Thanh Hương	28	12	1990	Nữ	Chuyên viên hành chính, văn phòng	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	Không	Không	Không	Tiếng Anh
346	Hoàng Hương Giang	13	4	2001	Nữ	Nghiên cứu viên về phát triển bền vững vùng và địa phương	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	Không	Không	Không	Tiếng Anh
347	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	19	11	1990	Nữ	Nghiên cứu viên về Địa lý xã hội và Phát triển bền vững	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	Không	Không	Miền	Không
348	Nguyễn Thị Diệu Linh	20	4	1999	Nữ	Nghiên cứu viên: NC về địa lý xã hội và PTBV	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	không	Không	Không	Tiếng Anh

306	Nguyễn Ngọc Quyên	17	10	1979	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Viện Văn học	không	không	Tiếng Anh
307	Phan Thị Kim Cương	22	9	1995	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
308	Phạm Thị Thanh	4	10	1988	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành	không	không	Tiếng Anh
309	Nguyễn Duy Hà Ngân	22	12	2003	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
310	Dương Thị Dương Thảo	30	7	1991	Nữ	Chuyên viên truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	DT thiếu số (Tây)	không	Tiếng Anh
311	Nguyễn Minh Phương	9	12	2003	Nữ	Chuyên viên truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
312	Bùi Lý Linh	9	3	2003	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
313	Trần Thị Phương Thảo	27	10	1995	Nữ	Chuyên viên Quản trị công sở	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
314	Phạm Khánh Duy	10	6	2001	Nam	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
315	Phan Thị Thu Hà	22	11	2000	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
316	Nguyễn Thùy Dương	16	8	2001	Nữ	Chuyên viên truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
317	Đỗ Thị Thắm	27	3	1986	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành	không	không	Tiếng Anh
318	Triệu Phương Linh	7	12	2000	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Trung
319	Phan Thùy Dương	19	12	2002	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
320	Đinh Thái Ninh	28	5	2003	Nam	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành	không	không	Tiếng Anh
321	Hoàng Thị Lan Anh	25	6	1996	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	Dân tộc thiểu số (Tây)	không	Tiếng Anh

349	Phạm Duy	22	3	1987	Nam	Nghiên cứu viên; NC về Phát triển bền vững và địa phương	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	Không	Không	Miễn	Không
350	Nguyễn Tiến Duẩn	20	10	2003	Nam	Nghiên cứu viên: NC về Địa lý xã hội và Phát triển bền vững	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	Không	Không	Không	Tiếng Anh
351	Nguyễn Thị Thanh Hợp	22	7	1991	Nữ	Kế toán viên	Ban Quản lý dự án DTXCĐN	phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Tiếng Anh
352	Phạm Quỳnh Chi	14	2	1978	Nữ	Kế toán viên	Ban Quản lý dự án DTXCĐN	Không	Không	Không	Tiếng Anh
353	Đỗ Đức Nam	7	3	1984	Nam	Chuyên viên quản lý dự án	Ban Quản lý dự án DTXCĐN	Không	Không	Không	Tiếng Anh
354	Lại Thu Phương	19	12	1998	Nữ	Kế toán viên	Ban Quản lý dự án DTXCĐN	Viện Văn học	Không	Miễn	Không
355	Phạm Ngọc Duy	22	7	1990	Nam	Chuyên viên quản lý dự án	Ban Quản lý dự án DTXCĐN	Không	Không	Không	Tiếng Anh
356	Trần Thị Thanh Huyền	14	11	2001	Nữ	Nghiên cứu viên về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
357	Tạ Thị Hoàng Anh	11	3	1998	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	Không	Không	Tiếng Anh
358	Đặng Minh Tâm	6	1	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
359	Trần Ngọc Bảo	26	5	2002	Nam	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu các vấn đề Lý luận - Luật Hiến pháp - Luật Hành chính	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Miễn	Không
360	Doãn Thị Loan	16	10	1992	Nữ	Nghiên cứu viên về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
361	Trương Hồng Ngọc	6	1	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
362	Đinh Thanh Hằng	11	2	1999	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
363	Nguyễn Thị Thu Hà	25	5	2002	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
364	Phan Thùy Linh	26	10	2001	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
365	Đỗ Thị Thúy	5	6	1997	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Miễn	Không
366	Nguyễn Đình Tâm	21	01	2002	Nam	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	không	không	Tiếng Anh
367	Lê Minh Khuê	13	01	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	không	Miễn	không
368	Quách Thị Hồng Ngọc	19	10	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	Dân tộc thiểu số - Mường	không	Tiếng Anh

369	Bùi Phạm Hồng Ngọc	18	3	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
370	Đỗ Bằng Linh	12	11	2003	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
371	Đặng Hồng Nga	2	10	2001	Nữ	Nghiên cứu viên về Luật quốc tế và quyền con người	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
372	Nguyễn Ngọc Hiếu	25	10	1996	Nam	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
373	Nguyễn Hiền Lương	6	12	2000	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
374	Lê Hồng Hương	17	4	2002	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
375	Vũ Thị Ngọc Linh	30	12	2001	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	không	Không	Tiếng Anh
376	Lê Túc Vân	11	12	2001	Nữ	Biên tập viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
377	Nguyễn Thị Thu Hiền	20	11	2002	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
378	Vũ Thị Hồng Vi	19	7	2001	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	không	Miễn	Không
379	Nguyễn Diệu Linh	14	9	2002	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	không	không	Tiếng Anh
380	Trần Thị Vân Anh	7	1	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu và Pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	Không	Không	Tiếng Anh
381	Nguyễn Cao Thăng	6	6	2000	Nam	Nghiên cứu viên về lý luận, luật hiến pháp và luật hành chính	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	Không	Miễn	Không
382	Phạm Việt Trinh	29	8	1997	Nữ	Nghiên cứu viên về vấn đề lý luận, luật hiến pháp, luật hành chính	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	Không	Không	Tiếng Anh
383	Lưu Hồng Lê	3	3	1997	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	Không	Miễn	Không
384	Lê Hải Hà	7	12	2000	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	Người dân tộc thiểu số (Thổ)	Không	Tiếng Anh
385	Đặng Hoàng An	31	10	2000	Nam	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	không	Miễn	Không
386	Nguyễn Hữu Thắng	20	3	2003	Nam	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	không	không	Tiếng Anh
387	Võ Vi Vân	27	11	1980	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về pháp luật quốc tế và quyền con người	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	không	không	Tiếng Anh

388	Phạm Thị Lan	22	3	2001	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	không	không	Tiếng Anh
389	Cao Phương Thao	15	10	1998	Nữ	Nghiên cứu viên về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Miễn	Không
390	Trần Thị Thor	25	7	1985	Nữ	Nghiên cứu viên về Xã hội học Văn hóa giáo dục truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
391	Phạm Ngọc Quang Huy	14	4	2000	Nam	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
392	Hà Thị Lệ	6	9	2000	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về Xã hội học văn hóa, giáo dục và truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Dân tộc Nùng	Miễn	không
393	Đỗ Khánh Hằng	30	09	2002	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không	không	không	Tiếng Anh
394	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	27	10	2003	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không	không	Miễn	Không
395	Phan Tâm Như	15	9	2001	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Miễn	Không
396	Hoàng Thị Thanh Huệ	30	12	1996	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Miễn	Không
397	Nguyễn Diệp Hà	1	8	1998	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Miễn	không
398	Võ Quang Huy	24	9	1998	Nam	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về Xã hội học văn hóa, giáo dục và truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
399	Nguyễn Phúc Hải	27	6	1999	Nam	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về xã hội học Văn hóa, Giáo dục và Truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
400	Nguyễn Thảo Anh	5	5	1993	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về Xã hội học văn hóa, giáo dục và truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Miễn	Không
401	Bùi Thị Lan	20	3	2002	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về Tâm lý học xã hội và Tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Dân tộc thiểu số (Mường)	Miễn	Không

402	Hoàng Thị Diệu	6	2	2003	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về xã hội học Văn hóa, Giáo dục và Truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
403	Vũ Minh Anh	18	3	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
404	Trần Việt Hoàng	19	3	2003	Nam	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về Tâm lý học văn hóa	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Miễn	Không
405	Bùi Thị Duyên	20	8	1995	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về Xã hội học văn hóa, giáo dục và truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không	Người dân tộc Mường	Không	Tiếng Trung
406	Nguyễn Xuân Duy	3	6	2002	Nam	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về Xã hội học văn hóa, giáo dục và truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không	Không	Không	Tiếng Anh
407	Mai Thị Mỹ Duyên	10	11	2003	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
408	Nguyễn Thị Hải Anh	2	7	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về xã hội học Văn hóa, Giáo dục và Truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Miễn	không
409	Nông Thị Bích Phương	25	12	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về Tâm lý học xã hội và Tâm lý học Ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không	Dân tộc thiểu số (Nùng)	không	Tiếng Anh
410	Chu Công Thọ	26	5	1987	Nam	Chuyên viên quản lý khoa học	Viện Nghiên cứu Hán Nôm	không	Con bệnh binh	Miễn	Không
411	Trần Tấn Khải	20	8	2003	Nam	Chuyên viên về Quản lý khoa học	Viện Nghiên cứu Hán Nôm	Không	Không	Không	Tiếng Trung
412	Đào Phương Anh	25	9	1980	Nữ	Chuyên viên Quản lý khoa học	Viện Nghiên cứu Hán Nôm	không	Không	Không	Tiếng Trung
413	Chữ Đình Tuấn	3	9	2003	Nam	Nghiên cứu viên về con người, môi trường cổ và thí nghiệm khảo cổ học	Viện Khảo cổ học	Không	Không	Miễn	Không
414	Nguyễn Lam Hoàng	04	09	2000	Nam	Nghiên cứu viên về tâm lý học văn hóa	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không	không	Miễn	không

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRIỆU TẬP THÍ SINH THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025
CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM (HÌNH THỨC XÉT TUYỂN)
(Kèm theo Thông báo số 228/KHXXH-TCCB ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025
của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Giới tính	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm ưu tiên
		Ngày	Tháng	Năm				
1	Nguyễn Anh Nam	2	12	1981	Nam	NCV nghiên cứu về chính trị, quan hệ quốc tế của Nga và SNG	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không
2	Nguyễn Thị Thu Giang	30	7	1987	Nữ	NCV nghiên cứu về kinh tế quốc tế, chính trị, quan hệ quốc tế các nước thuộc Mỹ Latinh	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không
3	Lê Thị Thu Trang	14	12	1981	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về kinh tế quốc tế, chính trị, quan hệ quốc tế các nước thuộc Mỹ Latinh	Viện NC Châu Âu và Châu Mỹ	Không
4	An Thị Bích Đào	12	8	2000	Nữ	Nghiên cứu viên về chính trị, quan hệ quốc tế của nước Nga và SNG	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không
5	Đinh Lê Hồng Giang	29	11	1992	Nam	NCV nghiên cứu về chính trị, quan hệ quốc tế của Nga và SNG	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không
6	Tạ Minh Anh	31	10	2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	không
7	Phạm Thùy Dương	22	5	1991	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về văn hóa ngôn từ và nghệ thuật học	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không
8	Nguyễn Thị Thu Hương	18	10	1995	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về an sinh xã hội và công tác xã hội	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
9	Trần Thanh Giang	22	12	1996	Nữ	Nghiên cứu viên về tâm lý học văn hóa	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
10	Nguyễn Phúc Lộc	2	9	1996	Nữ	Nghiên cứu viên về tâm lý học xã hội và Tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không

11	Phạm Minh Thủy	27	4	1993	Nữ	Giảng viên về Quản lý giáo dục	Học viện khoa học xã hội	không
12	Phạm Ngọc Tuấn	5	3	1974	Nam	Giảng viên về Ngôn ngữ	Học viện khoa học xã hội	không
13	Trần Kim Bá	3	7	1989	Nam	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về khu vực Nam Á	Viện NC Nam Á, Tây Á và Châu Phi	Không